

Số: **2207**/QĐ-TCQLTT

Hà Nội, ngày **30** tháng 11 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế Thi đua, khen thưởng của Tổng cục Quản lý thị trường

TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC QUẢN LÝ THỊ TRƯỜNG

Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng ngày 14 tháng 6 năm 2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng ngày 16 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;

Căn cứ Quyết định số 34/2018/QĐ-TTg ngày 10 tháng 8 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Quản lý thị trường trực thuộc Bộ Công Thương;

Căn cứ Thông tư số 40/2019/TT-BCT ngày 10 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc hướng dẫn thi hành công tác Thi đua, khen thưởng trong ngành Công Thương;

Căn cứ Thông tư số 18/2021/TT-BCT ngày 19 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2019/TT-BCT ngày 10 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương hướng dẫn thi hành công tác Thi đua, khen thưởng trong ngành Công Thương;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Tổng cục Quản lý thị trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế Thi đua, khen thưởng của Tổng cục Quản lý thị trường.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

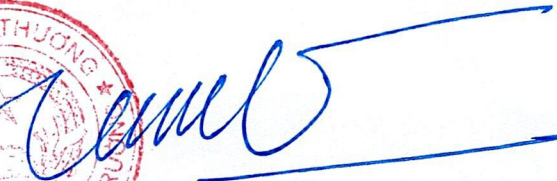
Điều 3. Chánh Văn phòng Tổng cục, Thủ trưởng các đơn vị, công chức và người lao động thuộc Tổng cục Quản lý thị trường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. 

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Các Phó Tổng Cục trưởng;
- Các đơn vị thuộc Tổng cục;
- Lưu: VT, VPTC.

TỔNG CỤC TRƯỞNG




Trần Hữu Linh

QUY CHẾ

Về công tác thi đua, khen thưởng của Tổng cục Quản lý thị trường
(Ban hành kèm theo Quyết định số: **2207**/QĐ-TCQLTT ngày **30**/11/2022
của Tổng Cục trưởng Tổng cục Quản lý thị trường)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này hướng dẫn về công tác thi đua, khen thưởng trong lực lượng Quản lý thị trường, bao gồm: Đối tượng, mục tiêu, nguyên tắc, trách nhiệm, tiêu chuẩn các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng; thẩm quyền, quyết định tặng thưởng; thủ tục, hồ sơ đề nghị khen thưởng; việc xử lý các vi phạm về thi đua, khen thưởng của Tổng cục Quản lý thị trường (QLTT).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các tập thể, cá nhân thuộc lực lượng Quản lý thị trường.
2. Các tập thể, cá nhân thuộc cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp thuộc các Bộ, Ban, Ngành ở Trung ương và địa phương có thành tích đóng góp xây dựng và phát triển công tác QLTT.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. “Các đơn vị thuộc Cơ quan Tổng cục” bao gồm: Văn phòng, các Vụ thuộc Tổng cục.
2. “Các Cục QLTT” bao gồm: Cục Nghiệp vụ QLTT và các Cục QLTT các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.
3. “Các đơn vị thuộc Tổng cục” bao gồm: các đơn vị thuộc Cơ quan Tổng cục và các Cục QLTT.

Điều 4. Mục tiêu của công tác thi đua, khen thưởng

Công tác thi đua, khen thưởng nhằm tạo động lực, động viên, khuyến khích và tôn vinh các tập thể, cá nhân hăng hái thi đua lao động sáng tạo, vươn lên hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, góp phần vào sự nghiệp xây dựng và phát triển ngành Công Thương nói chung và lực lượng QLTT nói riêng.

Điều 5. Nguyên tắc thi đua, khen thưởng

1. Nguyên tắc thi đua:
 - a) Tự nguyện, tự giác, công khai, minh bạch, đoàn kết, hợp tác và cùng phát triển.

b) Xét tặng các danh hiệu thi đua phải căn cứ vào kết quả phong trào thi đua.

2. Nguyên tắc khen thưởng:

a) Chính xác, công khai, công bằng, kịp thời.

b) Một hình thức khen thưởng có thể tặng nhiều lần cho một đối tượng; không tặng nhiều hình thức khen thưởng cho một thành tích đạt được.

c) Bảo đảm thống nhất giữa tính chất, hình thức và đối tượng khen thưởng.

d) Kết hợp chặt chẽ động viên tinh thần với khuyến khích bằng lợi ích vật chất.

đ) Hình thức khen thưởng phải phù hợp với đối tượng, chức năng, nhiệm vụ được giao của tập thể, cá nhân và thành tích đạt được.

e) Khen thưởng phải căn cứ vào điều kiện, tiêu chuẩn và thành tích đạt được, không nhất thiết phải có hình thức khen thưởng mức thấp mới được khen thưởng mức cao hơn. Chú trọng khen thưởng tập thể nhỏ và cá nhân là người trực tiếp lao động, sản xuất, học tập, công tác hoặc chiến đấu, phục vụ chiến đấu.

f) Hình thức khen thưởng theo đợt, chuyên đề không tính làm điều kiện, tiêu chuẩn đề nghị khen thưởng cấp Nhà nước.

g) Khi có nhiều cá nhân, tập thể cùng đủ điều kiện, tiêu chuẩn thì lựa chọn cá nhân nữ hoặc tập thể có tỷ lệ nữ từ 70% trở lên để xét khen thưởng. Đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý là nữ thời gian giữ chức vụ để xét khen thưởng quá trình công hiến được giảm 1/3 thời gian so với quy định chung; trường hợp quy định tuổi nghỉ hưu cao hơn thì thời gian giữ chức vụ để xét khen thưởng quá trình công hiến được thực hiện theo quy định chung.

3. Bảo đảm nguyên tắc bình đẳng giới trong thi đua, khen thưởng.

Điều 6. Trường hợp không xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng

1. Tập thể có tai nạn lao động chết người hoặc xảy ra tham nhũng, tiêu cực trong giai đoạn trình xét khen thưởng.

2. Tập thể có cá nhân là lãnh đạo đơn vị (trưởng, phó đơn vị, kế toán trưởng) bị cơ quan thực thi pháp luật khởi tố, truy tố, bắt giam, điều tra hoặc bị kỷ luật từ mức khiển trách trở lên trong giai đoạn trình xét khen thưởng.

3. Tập thể có đơn khiếu nại, tố cáo hoặc có nội dung vi phạm pháp luật được các phương tiện thông tin đại chúng tập trung đưa tin gây bức xúc dư luận đã được cấp có thẩm quyền xác minh là có hành vi vi phạm pháp luật hoặc đến thời điểm xét khen thưởng vẫn đang trong quá trình xác minh.

4. Cá nhân bị thi hành kỷ luật trong giai đoạn trình xét khen thưởng hoặc các cơ quan chức năng có thẩm quyền đang xem xét hay có văn bản đề nghị xem xét trách nhiệm trong việc thừa hành nhiệm vụ được giao.

Điều 7. Nguyên tắc bình bầu thi đua, khen thưởng

1. Danh sách các tập thể, cá nhân đề nghị khen thưởng trình Tổng Cục trưởng hoặc Hội đồng Thi đua, khen thưởng (viết tắt là Hội đồng TĐKT) cấp trên đạt từ 3/4 số phiếu thành viên của Hội đồng TĐKT Tổng cục đồng ý trở lên. Đối với quy định các danh hiệu Chiến sĩ thi đua Bộ Công Thương, Chiến sĩ thi đua toàn quốc đạt tỷ lệ số phiếu từ 90% thành viên của Hội đồng đồng ý trở lên.

2. Cuộc họp của Hội đồng TĐKT được tổ chức khi có ít nhất 3/4 thành viên Hội đồng tham dự, chủ trì cuộc họp là Chủ tịch Hội đồng hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng được ủy quyền. Trong trường hợp không họp được Hội đồng thì Chủ tịch Hội đồng giao Văn phòng Tổng cục gửi Phiếu xin ý kiến đến các thành viên Hội đồng.

Điều 8. Trách nhiệm của Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân trong công tác thi đua, khen thưởng

1. Tổng Cục trưởng Tổng cục QLTT chịu trách nhiệm về công tác thi đua, khen thưởng của lực lượng QLTT; phát động, tổ chức, chỉ đạo và tổng kết phong trào thi đua trong phạm vi toàn lực lượng.

2. Thủ trưởng đơn vị thuộc Tổng cục QLTT chủ trì, phối hợp với các tổ chức đoàn thể cùng cấp để tổ chức phong trào thi đua, nhân rộng phong trào thi đua trong phạm vi quản lý và chủ động phát hiện, lựa chọn các tập thể, cá nhân có thành tích xứng đáng để xét tặng hoặc đề nghị xét tặng các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng.

3. Thủ trưởng đơn vị thuộc Tổng cục chịu trách nhiệm về tính chính xác của các hồ sơ, báo cáo thành tích đề nghị xét khen thưởng cho tập thể, cá nhân của đơn vị mình. Thủ trưởng đơn vị thuộc Tổng cục trình hồ sơ đề nghị xét khen thưởng cho tập thể, cá nhân của đơn vị mình, chịu trách nhiệm kiểm tra thẩm định các hồ sơ, báo cáo thành tích trước khi trình lên cấp trên.

4. Cá nhân được đề nghị khen thưởng chịu trách nhiệm về tính chính xác trong việc kê khai, báo cáo thành tích đề nghị các cấp xét khen thưởng.

5. Các tổ chức đoàn thể thuộc Cơ quan Tổng cục và đơn vị thuộc Tổng cục trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm:

a) Tổ chức và phối hợp với các đơn vị chuyên môn để phát động, triển khai các cuộc vận động, các phong trào thi đua, phổ biến kinh nghiệm, nhân rộng các điển hình tiên tiến.

b) Phối hợp thống nhất hành động, tham gia với các đơn vị chức năng để tuyên truyền, động viên công chức, người lao động tham gia các phong trào thi đua và thực hiện chính sách khen thưởng.

c) Giám sát việc thực hiện công tác thi đua, khen thưởng; kịp thời phản ánh, đề xuất các giải pháp để thực hiện các văn bản hướng dẫn Luật Thi đua, khen thưởng và Quy chế này.

6. Văn phòng Tổng cục QLTT chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, các tổ chức đoàn thể có liên quan tham mưu, giúp Tổng Cục trưởng và Hội đồng

TĐKT trong việc phát động, tổ chức, chỉ đạo, duy trì, sơ kết và tổng kết các phong trào thi đua trong toàn lực lượng; tham mưu, giúp Hội đồng TĐKT Tổng cục về công tác thi đua, khen thưởng hàng năm, chuyên đề, đột xuất; thẩm định hồ sơ, tổng hợp danh sách đề nghị khen thưởng và trình Hội đồng TĐKT Tổng cục xem xét và đề nghị Hội đồng thi đua, khen thưởng Bộ Công Thương (viết tắt là Hội đồng TĐKT Bộ) xét, quyết định, đề nghị cấp trên khen thưởng.

Điều 9. Hội đồng thi đua, khen thưởng cấp cơ sở, Hội đồng sáng kiến cấp cơ sở

1. Hội đồng thi đua, khen thưởng cấp cơ sở

a) Thủ trưởng các đơn vị thuộc Tổng cục có tài khoản riêng, con dấu riêng hoặc tư cách pháp nhân ban hành quyết định thành lập Hội đồng TĐKT của đơn vị để tham mưu cho Thủ trưởng đơn vị về công tác thi đua, khen thưởng.

b) Thành phần Hội đồng: Căn cứ vào tình hình thực tế của đơn vị để quy định số lượng và thành viên Hội đồng TĐKT cấp cơ sở, trong đó Thủ trưởng đơn vị là Chủ tịch Hội đồng, Thành viên Hội đồng là Lãnh đạo đơn vị; đại diện Lãnh đạo tổ chức công đoàn; cấp trưởng các Phòng/Đội và Thư ký Hội đồng là công chức được phân công theo dõi công tác thi đua, khen thưởng.

c) Hội đồng TĐKT cấp cơ sở hoạt động theo quy chế và quy định của pháp luật.

2. Hội đồng sáng kiến cấp cơ sở

a) Các đơn vị thuộc Tổng cục có tài khoản riêng, con dấu riêng hoặc tư cách pháp nhân quyết định thành lập Hội đồng sáng kiến của đơn vị để tham mưu cho Thủ trưởng đơn vị về công tác thẩm định sáng kiến, phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến. Trên cơ sở ý kiến của Hội đồng, Thủ trưởng đơn vị ban hành quyết định công nhận sáng kiến cấp cơ sở.

b) Hội đồng sáng kiến cấp cơ sở được thành lập nhằm xét duyệt công nhận sáng kiến, giải pháp, báo cáo chuyên đề, đề tài cấp cơ sở. Hội đồng làm việc theo quy chế hoạt động do Thủ trưởng đơn vị ban hành.

c) Thành phần gồm những thành viên có trình độ quản lý chuyên môn, kỹ thuật, có năng lực đánh giá, thẩm định các sáng kiến hoặc các giải pháp, đề tài trong quản lý, tổ chức thực hiện nhiệm vụ của đơn vị.

d) Việc xét duyệt sáng kiến, giải pháp, báo cáo chuyên đề, đề tài nghiên cứu cấp cơ sở được công nhận trước khi đơn vị tiến hành bình xét các danh hiệu thi đua.

đ) Đối với các đơn vị không có Hội đồng sáng kiến cấp cơ sở, việc xét, công nhận sáng kiến cấp cơ sở do lãnh đạo đơn vị phối hợp với đại diện cấp ủy xem xét, thẩm định; trên cơ sở đó Thủ trưởng đơn vị ban hành văn bản công nhận sáng kiến cấp cơ sở.

Điều 10. Về công nhận phạm vi ảnh hưởng, hiệu quả áp dụng của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học để làm căn cứ xét, tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng

1. Việc xét, công nhận sáng kiến do Tổng cục và các đơn vị cơ sở thực hiện theo quy định tại Nghị định số 13/2012/NĐ-CP ngày 02 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ ban hành Điều lệ sáng kiến và Thông tư số 18/2013/TT-BKHCN ngày 01 tháng 8 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành một số quy định của Điều lệ sáng kiến được ban hành theo Nghị định số 13/2012/NĐ-CP 02 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ.

Việc đánh giá, công nhận phạm vi ảnh hưởng, hiệu quả áp dụng của sáng kiến để làm căn cứ xét, tặng danh hiệu thi đua hình thức khen thưởng do Thủ trưởng đơn vị có thẩm quyền xem xét, công nhận.

2. Đề tài nghiên cứu khoa học để làm căn cứ xét, tặng danh hiệu thi đua các cấp và khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng là đề tài khoa học đã được cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền nghiệm thu mức đạt trở lên.

Đối tượng được công nhận có đề tài nghiên cứu khoa học để làm căn cứ xét danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng là Chủ nhiệm đề tài và người trực tiếp tham gia nghiên cứu đề tài.

Việc công nhận phạm vi ảnh hưởng, hiệu quả áp dụng của đề tài nghiên cứu khoa học do Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị xem xét, công nhận.

Chương II

DANH HIỆU THI ĐUA VÀ TIÊU CHUẨN

Điều 11. Danh hiệu thi đua

1. Danh hiệu thi đua đối với tập thể trong lực lượng QLTT gồm:

- Tập thể Lao động tiên tiến.
- Tập thể Lao động xuất sắc.
- Cờ thi đua của Bộ Công Thương.
- Cờ thi đua của Chính phủ.

2. Danh hiệu thi đua đối với cá nhân trong lực lượng QLTT gồm:

- Lao động tiên tiến.
- Chiến sĩ thi đua cơ sở.
- Chiến sĩ thi đua Bộ Công Thương.
- Chiến sĩ thi đua toàn quốc.

3. Các danh hiệu thi đua được xét hàng năm hoặc theo đợt.

Điều 12. Danh hiệu “Lao động tiên tiến”

1. Danh hiệu “Lao động tiên tiến” được xét tặng mỗi năm một lần vào thời điểm kết thúc năm cho cá nhân là công chức, người lao động trong lực lượng QLTT (trừ các cá nhân mới tuyển dụng dưới 10 tháng; bị kỷ luật từ khiển trách trở lên), cụ thể như sau:

a) Cá nhân tham gia chiến đấu, phục vụ chiến đấu hoặc có hành động dũng cảm cứu người, cứu tài sản của Nhà nước, của nhân dân dẫn đến bị thương tích cần điều trị, điều dưỡng theo kết luận của cơ sở y tế cấp huyện hoặc tương đương trở lên thì thời gian điều trị, điều dưỡng được tính để bình xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”.

b) Cá nhân được cử tham gia đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn dưới 01 năm, chấp hành tốt quy định của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng thì thời gian học tập được tính vào thời gian công tác tại cơ quan, tổ chức, đơn vị để được bình xét danh hiệu “Lao động tiên tiến”. Trường hợp cá nhân được cử tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ 01 năm trở lên, chấp hành tốt quy định của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng, có kết quả học tập từ loại khá trở lên thì được tính để xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”.

c) Nữ công chức, người lao động nghỉ thai sản theo chế độ quy định của Nhà nước thì thời gian nghỉ thai sản được tính để xem xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”.

d) Đối với cá nhân chuyển công tác, đơn vị mới có trách nhiệm bình xét, tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến” (trường hợp có thời gian công tác ở cơ quan cũ từ 06 tháng trở lên phải có ý kiến nhận xét của cơ quan cũ).

Trường hợp cá nhân được điều động, biệt phái đến cơ quan, tổ chức, đơn vị khác trong một thời gian nhất định thì việc bình xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến” do đơn vị điều động, biệt phái xem xét quyết định và được đơn vị tiếp nhận cá nhân được điều động, biệt phái xác nhận.

2. Tiêu chuẩn chung

a) Đối với công chức đạt các tiêu chuẩn sau:

- Hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, đạt năng suất và chất lượng cao.
- Chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nội quy của cơ quan, đơn vị; có tinh thần tự lực, tự cường; đoàn kết, tương trợ, tích cực tham gia các phong trào thi đua.
- Tích cực học tập chính trị, văn hóa, chuyên môn, nghiệp vụ.
- Có đạo đức, lối sống lành mạnh.

b. Đối với người lao động đạt các tiêu chuẩn sau:

- Lao động sản xuất có hiệu quả, tích cực tham gia phong trào thi đua và hoạt động xã hội.
- gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; có đạo đức, lối sống lành mạnh, đoàn kết, tương trợ giúp đỡ mọi người trong cộng đồng.

Điều 13. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”

1. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” được xét tặng mỗi năm một lần vào thời điểm kết thúc năm cho cá nhân có thành tích tiêu biểu xuất sắc.

2. Tiêu chuẩn chung

a) Đạt các tiêu chuẩn của danh hiệu “Lao động tiên tiến”.

b) Có sáng kiến để tăng năng suất lao động, tăng hiệu quả công tác được cơ sở công nhận hoặc có đề tài nghiên cứu khoa học đã nghiệm thu được áp dụng tại cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc mưu trí, sáng tạo trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được đơn vị công nhận.

Tỷ lệ cá nhân được công nhận danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” do đơn vị căn cứ vào tình hình thực tiễn quy định cho phù hợp, nhưng không quá 15% tổng số cá nhân đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến”.

Điều 14. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua Bộ Công Thương”

1. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua Bộ Công Thương” được xét tặng cho cá nhân có thành tích tiêu biểu xuất sắc.

2. Tiêu chuẩn chung

a) Có thành tích tiêu biểu xuất sắc trong số những cá nhân đã 03 lần liên tục đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” (gồm: năm được đề nghị khen thưởng và 2 năm liền kề trước đó).

b) Sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học để làm căn cứ xét tặng danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp bộ, ban, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương do người đứng đầu bộ, ban, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương xem xét, công nhận.

Điều 15. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”

1. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” được xét tặng cho cá nhân có thành tích tiêu biểu xuất sắc.

2. Tiêu chuẩn chung

a) Có thành tích tiêu biểu xuất sắc trong số những cá nhân có 2 lần liên tục đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp Bộ”.

b) Có sáng kiến hoặc đề tài nghiên cứu khoa học, để làm căn cứ xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” phải được áp dụng thực tiễn đạt hiệu quả cao và có phạm vi ảnh hưởng trong toàn quốc.

Điều 16. Danh hiệu “Tập thể Lao động tiên tiến”

1. Danh hiệu “Tập thể Lao động tiên tiến” được xét tặng cho tập thể được lựa chọn trong số các tập thể hoàn thành tốt nhiệm vụ.

2. Tiêu chuẩn chung

a) Hoàn thành tốt nhiệm vụ và kế hoạch được giao.

b) Có phong trào thi đua thường xuyên, thiết thực, có hiệu quả.

c) Có trên 50% cá nhân trong tập thể đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến” và không có cá nhân bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

d) Nội bộ đoàn kết, chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nội quy của cơ quan, đơn vị.

Điều 17. Danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc”

1. Danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc” được xét tặng cho tập thể tiêu biểu xuất sắc trong số các tập thể đạt danh hiệu “Tập thể Lao động tiên tiến”.

2. Danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc” được xét tặng cho tập thể hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ thông qua kết quả đánh giá, xếp loại hàng năm theo bộ tiêu chí do Tổng cục quy định.

3. Tiêu chuẩn chung

a) Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, thực hiện tốt các nghĩa vụ đối với Nhà nước.

b) Có phong trào thi đua thường xuyên, thiết thực, hiệu quả.

c) Có 100% cá nhân trong tập thể hoàn thành nhiệm vụ được giao, trong đó có ít nhất 70% cá nhân đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến”.

d) Có cá nhân đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” và không có cá nhân bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

đ) Nội bộ đoàn kết, chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

Điều 18. Danh hiệu “Cờ thi đua của Bộ Công Thương”

Cờ thi đua của Bộ Công Thương xét tặng cho tập thể đạt các tiêu chuẩn sau:

1. Tiêu chuẩn chung

a) Hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu thi đua và nhiệm vụ được giao trong năm.

b) Có nhân tố mới, mô hình mới để các tập thể khác thuộc bộ, ngành, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, đoàn thể trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương học tập.

c) Nội bộ đoàn kết, tích cực thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, chống tham nhũng và các tệ nạn xã hội khác.

d) Được đề nghị xét tặng danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc”.

2. Tiêu chuẩn bổ sung

a) Không vi phạm các quy định pháp luật hiện hành.

b) Đơn vị tích cực tham gia công tác từ thiện trong Ngành và địa bàn nơi đơn vị đóng trụ sở;

c) Tổ chức Đảng được đánh giá “Hoàn thành tốt nhiệm vụ”.

Điều 19. Danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ”

Cờ thi đua của Chính phủ được xét tặng cho tập thể đạt các tiêu chuẩn sau:

1. Có thành tích, hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu thi đua và nhiệm vụ được giao trong năm; là tập thể tiêu biểu xuất sắc trong toàn quốc.

2. Là tập thể tiêu biểu xuất sắc nhất trong phong trào thi đua của cấp bộ, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương.

3. Nội bộ đoàn kết, đi đầu trong việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, chống tham nhũng và các tệ nạn xã hội khác.

Chương III

ĐỐI TƯỢNG VÀ TIÊU CHUẨN KHEN THƯỞNG

Điều 20. Giấy khen

1. Đối tượng

Giấy khen của Thủ trưởng đơn vị có tài khoản riêng, con dấu riêng, có tư cách pháp nhân là hình thức khen thưởng đối với tập thể và cá nhân có thành tích thường xuyên, chuyên đề và đột xuất trong hoạt động công vụ, có tác dụng nêu gương trong lực lượng QLTT.

2. Tiêu chuẩn chung

a) Giấy khen để tặng cho tập thể đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

- Có thành tích xuất sắc được bình xét trong phong trào thi đua.

- Lập được thành tích đột xuất.

- Hoàn thành tốt nhiệm vụ; nội bộ đoàn kết, gương mẫu chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

b) Giấy khen để tặng cho cá nhân đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

- Có thành tích được bình xét trong phong trào thi đua.

- Lập được thành tích đột xuất.

- Hoàn thành tốt nhiệm vụ, nghĩa vụ công dân; có phẩm chất đạo đức tốt, đoàn kết, gương mẫu chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

3. Việc tặng thưởng Giấy khen được tiến hành thường xuyên, kịp thời cho các tập thể, cá nhân hoàn thành tốt nhiệm vụ ngay sau khi kết thúc đợt thi đua và do thủ trưởng đơn vị quản lý trực tiếp xem xét quyết định tặng thưởng Giấy khen.

Điều 21. Bằng khen của Bộ Công Thương

1. Tiêu chuẩn đối với tập thể

Tập thể gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây:

a) Có thành tích xuất sắc, được bình xét trong phong trào thi đua.

b) Có thành tích xuất sắc đột xuất, có phạm vi ảnh hưởng trong từng lĩnh vực thuộc ngành Công Thương.

c) Có 02 năm trở lên liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, nội bộ đoàn kết, thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, tổ chức tốt các phong trào thi đua; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần trong tập thể; thực hành tiết kiệm; thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách pháp luật.

d) Đạt nhiều thành tích trong công tác góp phần xây dựng và phát triển ngành Công Thương Việt Nam nhân dịp kỷ niệm (năm tròn và năm lẻ 5) ngày thành lập ngành Công Thương, đơn vị.

2. Tiêu chuẩn đối với cá nhân

Cá nhân gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích xuất sắc được bình xét trong các phong trào thi đua, hoạt động của ngành Công Thương phát động hằng năm.

b) Lập được thành tích có phạm vi ảnh hưởng ở một trong các lĩnh vực thuộc ngành Công Thương.

c) Có 02 năm trở lên liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, trong thời gian đó có 02 sáng kiến được công nhận và áp dụng hiệu quả trong phạm vi cấp cơ sở; đối với người lao động lập được nhiều thành tích trong thực hiện nhiệm vụ được giao có phạm vi ảnh hưởng trong cơ quan, đơn vị, tổ chức.

d) Có quá trình công tác trong các đơn vị thuộc Bộ Công Thương, có đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và phát triển ngành Công Thương, được xét tặng trước khi nghỉ chế độ hưu trí.

đ) Đạt nhiều thành tích trong công tác góp phần xây dựng và phát triển ngành Công Thương Việt Nam nhân dịp kỷ niệm (năm tròn và năm lẻ 5) ngày thành lập ngành Công Thương, đơn vị.

Điều 22. Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp phát triển ngành Công Thương Việt Nam”

1. Đối với cá nhân trong ngành Công Thương

Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp phát triển ngành Công Thương Việt Nam” được Bộ trưởng Bộ Công Thương tặng thưởng cho các cá nhân đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Cá nhân đang công tác tại các đơn vị trong ngành Công Thương hoặc đã chuyển sang ngành khác, đã nghỉ chế độ, nghỉ hưu, có thời gian công tác trong ngành tối thiểu 20 năm đối với nam, 15 năm đối với nữ; 10 năm đối với người trực tiếp lao động trong các nghề độc hại, nguy hiểm tính đến thời điểm đề nghị.

Thời gian cá nhân trong ngành Công Thương được cử đi làm nghĩa vụ quân sự, đi học tập trung hạn, dài hạn sau đó lại được điều động về công tác trong ngành Công Thương thì được tính là thời gian công tác liên tục trong

ngành Công Thương; cá nhân bị kỷ luật từ mức khiển trách trở lên do cấp có thẩm quyền quyết định thì thời gian bị kỷ luật không được tính vào thâm niên xét tặng.

b) Các trường hợp không tính thâm niên công tác khi xét tặng:

- Cá nhân đạt danh hiệu Anh hùng Lao động
- Chiến sĩ thi đua toàn quốc.
- Cá nhân có từ 03 công trình nghiên cứu khoa học cấp Nhà nước, cấp ngành hoặc có 05 Bằng Lao động sáng tạo được áp dụng vào sản xuất.

2. Các trường hợp không được xét tặng Kỷ niệm chương

a) Cá nhân đã được tặng một trong các Kỷ niệm chương sau: Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp phát triển Công nghiệp Việt Nam”, Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp Thương mại”, Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp phát triển ngành Công Thương Việt Nam”.

b) Người đã tự ý bỏ việc khỏi đơn vị.

c) Người bị kỷ luật nhưng chưa hết thời hiệu kỷ luật; người bị kết án nhưng chưa được xóa án tích.

3. Trường hợp đặc biệt khác do Bộ trưởng Bộ Công Thương quyết định.

Điều 23. Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ

1. Tiêu chuẩn đối với tập thể

Tập thể gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nội bộ đoàn kết và đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích xuất sắc tiêu biểu được bình xét trong các phong trào thi đua do Hội đồng thi đua, khen thưởng trung ương hoặc bộ, ban, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương phát động khi sơ kết, tổng kết 03 năm trở lên.

b) Lập được thành tích đột xuất, thành tích có phạm vi ảnh hưởng trong bộ, ban, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương.

c) Đã được tặng Bằng khen cấp bộ, ban, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương (khen định kỳ) và 05 năm tiếp theo trở lên liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, trong thời gian đó có 01 lần được tặng Cờ thi đua cấp bộ, ban, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương hoặc có 02 lần được tặng Bằng khen cấp bộ, ban, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương.

2. Tiêu chuẩn đối với cá nhân

Cá nhân gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích xuất sắc tiêu biểu được bình xét trong các phong trào thi đua do Hội đồng thi đua, khen thưởng trung ương hoặc bộ, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương phát động khi sơ kết, tổng kết 03 năm trở lên.

b) Lập được nhiều thành tích hoặc thành tích đột xuất có phạm vi ảnh hưởng trong bộ, ban, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương.

c) Đã được tặng bằng khen cấp bộ, ban, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương (khen định kỳ) và 05 năm tiếp theo trở lên liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, trong thời gian đó có 05 sáng kiến được công nhận và áp dụng hiệu quả trong phạm vi cấp cơ sở hoặc mưu trí, dũng cảm, sáng tạo trong hoạt động công vụ, trong thời gian đó có 05 lần được tặng giấy khen trở lên.

Điều 24. Huân chương, Danh hiệu vinh dự Nhà nước

Thực hiện theo quy định tại các Điều (từ Điều 14 đến Điều 33) Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng.

Điều 25. Giải thưởng của Tổng cục QLTT

1. Có 3 giải thưởng phát động thường niên bao gồm:

a) Giải “Cục QLTT xuất sắc nhất” có các tiêu chí như sau:

- Tập thể Cục QLTT có nhiều thành tích xuất sắc trong công tác kiểm tra, kiểm soát thị trường và tổ chức thực thi pháp luật về phòng, chống, xử lý các hành vi kinh doanh hàng hóa nhập lậu; sản xuất buôn bán hàng giả, hàng hóa không rõ nguồn gốc xuất xứ, vi phạm quyền sở hữu trí tuệ; vi phạm pháp luật về chất lượng đo lường, giá an toàn thực phẩm; vi phạm pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và các hành vi gian lận thương mại theo quy định của pháp luật. Số thu nộp ngân sách nhà nước tăng cao so với cùng kỳ.

- Công tác điều hành, tổ chức cán bộ tốt, tập thể đoàn kết, ổn định.

- Công tác thông tin truyền thông tốt, có số lượng lớn tin bài được đăng trên website của Tổng cục QLTT.

- Triển khai nhanh, có hiệu quả các chỉ đạo của Tổng cục trưởng Tổng cục QLTT.

b) Giải thưởng “Ấn chỉ vàng” dành cho tập thể các Đội, Phòng thuộc Cục QLTT có thành tích xuất sắc trong các vụ việc điển hình trong công tác kiểm tra, kiểm soát thị trường, với các tiêu chí như sau:

- Vụ việc điển hình có tính đột phá, mới, mang tính liên vùng, liên khu vực thể hiện rõ sự phối hợp chặt chẽ về công tác kiểm tra, xử lý vi phạm giữa các đơn vị trong lực lượng QLTT, đồng thời thể hiện rõ ưu điểm của mô hình Tổng cục QLTT theo ngành dọc.

- Vụ việc tiêu biểu, có đóng góp lớn cho xã hội được đông đảo người dân, công luận quan tâm và ghi nhận, thực hiện theo quy trình nghiệp vụ.

- Tập thể Đội, Phòng và các cá nhân xử lý vụ việc được đề cử phải hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, không bị kỷ luật trong năm.

c) Giải thưởng “Cục ứng dụng INS tốt nhất” có các tiêu chí như sau:

- Thực hiện đúng, đủ theo Quy chế quản lý, vận hành và khai thác, sử dụng Hệ thống xử lý vi phạm hành chính của lực lượng QLTT (INS) ban hành kèm theo Quyết định số 82/QĐ-TCQLTT ngày 19 tháng 01 năm 2022 của Tổng cục QLTT.

- Lãnh đạo Cục thường xuyên chỉ đạo, hướng dẫn, giám sát các kiểm soát viên cập nhật chính xác, đầy đủ hồ sơ vụ việc lên INS.

- Có nhiều đóng góp tích cực để hoàn thiện INS trở thành công cụ phục vụ tốt cho hoạt động xử lý vi phạm hành chính.

- Có nhiều sáng kiến khắc phục khó khăn trong quá trình triển khai INS.

2. Cơ cấu giải thưởng

a) 01 Giải “Cục QLTT xuất sắc nhất”.

b) 10 Giải thưởng “Ấn chỉ vàng” cho 10 vụ việc điển hình được thực hiện bởi Tập thể cấp Đội, Phòng thuộc các Cục QLTT.

c) 01 Giải thưởng “Cục ứng dụng INS tốt nhất” cho 01 tập thể Cục QLTT.

3. Hồ sơ đề nghị, bao gồm:

a) Tờ trình, Biên bản họp của các Cục QLTT .

b) Báo cáo thành tích (bản chính, ký và đóng dấu giáp lai, theo mẫu đính kèm).

4. Thời hạn nộp hồ sơ

Hồ sơ nộp về Văn phòng Tổng cục trước ngày 20 tháng 12 hàng năm.

5. Tiêu chuẩn và cơ cấu Giải thưởng có thể thay đổi dựa trên tình hình thực tế và có văn bản hướng dẫn riêng.

Điều 26. Thư khen của Tổng Cục trưởng Tổng cục QLTT

1. Thư khen dành cho doanh nghiệp, hộ kinh doanh đạt thành tích xuất sắc, tiêu biểu trong “Công tác phòng chống hàng giả, hàng hóa xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ”.

2. Tiêu chí

a) Doanh nghiệp, hộ kinh doanh hoạt động trong 05 năm liên tục đến thời điểm đề nghị không vi phạm pháp luật, không bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý vi phạm về các hành vi: kinh doanh hàng hóa nhập lậu; sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm, hàng hóa không rõ nguồn gốc xuất xứ; hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ; hành vi vi phạm pháp luật về chất lượng, đo lường, giá, an toàn thực phẩm và gian lận thương mại; hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

b) Có đóng góp trong việc phối hợp, cung cấp thông tin cho lực lượng QLTT trong việc xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về sản xuất, kinh doanh hàng giả, xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ giai đoạn trước, trong năm hiện hành.

c) Có đóng góp trong việc tuyên truyền, hướng dẫn người tiêu dùng nâng cao nhận thức trong việc phòng chống hàng giả, xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ trong giai đoạn trước, trong năm đề nghị.

d) Có sáng kiến, giải pháp trong việc phòng chống hàng giả xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ trong giai đoạn trước, trong năm hiện hành.

đ) Có đóng góp trong việc phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ khác theo quy định hiện hành của nhà nước trong 05 năm liên tục đến thời điểm đề nghị.

3. Hồ sơ đề nghị, bao gồm:

a) Tờ trình, Biên bản họp của Cục QLTT.

b) Báo cáo thành tích của doanh nghiệp/hộ kinh doanh đề nghị khen thưởng (bản chính, ký và đóng dấu giáp lai, theo mẫu đính kèm).

4. Thời hạn nộp hồ sơ

Hồ sơ nộp về Văn phòng Tổng cục trước ngày 10 tháng 12 hàng năm.

5. Tiêu chuẩn có thể thay đổi dựa trên tình hình thực tế và có văn bản hướng dẫn riêng.

Chương IV

THẨM QUYỀN; THỦ TỤC, HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ KHEN THƯỞNG

Điều 27. Thẩm quyền

1. Chủ tịch nước quyết định tặng:

- Huân chương.
- Huy chương.
- Giải thưởng Hồ Chí Minh.
- Giải thưởng Nhà nước.
- Danh hiệu vinh dự nhà nước.

2. Chính phủ quyết định tặng Cờ thi đua của Chính phủ. Thủ tướng Chính phủ quyết định tặng danh hiệu Chiến sĩ thi đua toàn quốc và Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ.

3. Bộ trưởng Bộ Công Thương quyết định tặng:

- Cờ thi đua của Bộ Công Thương.
- Chiến sĩ thi đua Bộ Công Thương.
- Tập thể lao động xuất sắc.
- Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Công Thương.
- Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp phát triển ngành Công Thương Việt Nam”.

- Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp Quản lý thị trường”.

4. Tổng Cục trưởng quyết định xét tặng các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng đối với các trường hợp sau:

a) Danh hiệu thi đua

- Danh hiệu Tập thể Lao động xuất sắc, Tập thể Lao động tiên tiến, Lao động tiên tiến, Chiến sĩ thi đua cơ sở cho các tập thể và cá nhân thuộc Cơ quan Tổng cục.

- Danh hiệu Tập thể Lao động xuất sắc và Tập thể Lao động tiên tiến cho tập thể các Cục QLTT.

b) Hình thức khen thưởng

- Tặng Giấy khen định kỳ hàng năm cho các tập thể và cá nhân có thành tích thuộc Cơ quan Tổng cục, tập thể Cục QLTT và cá nhân là người đứng đầu các Cục QLTT.

- Tặng Giấy khen theo chuyên đề hoặc đột xuất cho các tập thể và cá nhân có thành tích của lực lượng QLTT.

5. Cục trưởng/Quyền Cục trưởng/Phó Cục trưởng Phụ trách Cục QLTT xét tặng danh hiệu Tập thể Lao động xuất sắc, Tập thể Lao động tiên tiến; Lao động tiên tiến, Chiến sĩ thi đua cơ sở và Giấy khen định kỳ hàng năm, chuyên đề và đột xuất cho các tập thể và cá nhân có thành tích thuộc Cục QLTT (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Tổng Cục trưởng).

Điều 28. Trình tự khen thưởng

1. Các đơn vị cơ sở họp bình xét thi đua trình Hội đồng TĐKT cơ sở theo quy định của pháp luật và các văn bản hướng dẫn của Bộ, Tổng cục.

2. Hội đồng TĐKT cơ sở xem xét, bình bầu, trình lên Hội đồng TĐKT Tổng cục QLTT bằng cách nhập Tờ trình và các tài liệu có liên quan lên phần mềm thi đua, khen thưởng (hr.dms.gov.vn). Đối với đề nghị Cờ thi đua của Chính phủ, Cờ thi đua của Bộ Công Thương, Chiến sĩ thi đua toàn quốc, Chiến sĩ thi đua Bộ Công Thương, Hội đồng TĐKT tiến hành bình bầu bằng phiếu kín.

3. Sau khi nhập dữ liệu trên phần mềm thi đua, khen thưởng, Hội đồng TĐKT cơ sở gửi bản giấy về Văn phòng Tổng cục theo thời gian quy định.

4. Văn phòng Tổng cục có trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ đề nghị khen của các đơn vị cơ sở, thẩm định theo quy định của pháp luật báo cáo Hội đồng TĐKT Tổng cục.

5. Hội đồng TĐKT Tổng cục xem xét, bình bầu, trình Tổng Cục trưởng và Hội đồng TĐKT cấp trên. Đối với đề nghị Cờ thi đua của Chính phủ, Cờ thi đua của Bộ Công Thương, Chiến sĩ thi đua toàn quốc, Chiến sĩ thi đua Bộ Công Thương, Hội đồng TĐKT tiến hành bình bầu bằng phiếu kín.

Điều 29. Hồ sơ đề nghị khen thưởng, thời gian gửi hồ sơ đề nghị khen thưởng

1. Hồ sơ đề nghị khen thưởng

a) Hồ sơ bao gồm:

- Tờ trình đề nghị khen thưởng của đơn vị kèm danh sách tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng (Theo mẫu phụ lục 1 đính kèm).

- Biên bản họp bình xét thi đua, khen thưởng của Hội đồng TĐKT cơ sở (Theo phụ lục 2).

- Báo cáo thành tích của tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng phải ký và ghi rõ họ tên, có xác nhận của Thủ trưởng đơn vị (Theo mẫu phụ lục 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10 đính kèm), cụ thể:

+ Phụ lục 3: Báo cáo thành tích đề nghị tặng Huân chương, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Cờ thi đua của Chính phủ; Cờ thi đua và Bằng khen cấp Bộ, ban, ngành, đoàn thể trung ương; tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Tập thể Lao động xuất sắc (Đơn vị Quyết thắng); Giấy khen đối với tập thể có thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ công tác.

+ Phụ lục 4: Báo cáo thành tích đề nghị tặng Huân chương, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Chiến sĩ thi đua toàn quốc; Giấy khen đối với cá nhân có thành tích thực hiện nhiệm vụ công tác.

+ Phụ lục 5: Báo cáo thành tích đề nghị tặng hoặc truy tặng Huân chương cho cá nhân có quá trình cống hiến trong các tổ chức, cơ quan và đoàn thể;

+ Phụ lục 6: Báo cáo thành tích đề nghị phong tặng danh hiệu Anh hùng cho tập thể có thành tích đặc biệt xuất sắc trong công tác.

+ Phụ lục 7: Báo cáo thành tích đề nghị phong tặng (truy tặng) danh hiệu Anh hùng cho cá nhân có thành tích đặc biệt xuất sắc trong công tác.

+ Phụ lục 8: Báo cáo thành tích đề nghị tặng Huân chương, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bằng khen cấp Bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương; tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Giấy khen cho tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc đột xuất.

+ Phụ lục 9: Báo cáo thành tích đề nghị khen thưởng theo đợt thi đua cho tập thể, cá nhân.

+ Phụ lục 10: Báo cáo thành tích đề nghị tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua Bộ Công Thương” và Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Công Thương cho cá nhân (khen thưởng theo công trạng và thành tích đạt được).

- Chứng nhận/xác nhận của cơ quan có thẩm quyền đối với sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học và các tài liệu kiểm chứng khác.

- Bản sao y Quyết định xếp loại hoàn thành nhiệm vụ đối với Tập thể có tổ chức Đảng đề xuất khen thưởng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng sau: Cờ thi đua của Chính phủ, Cờ thi đua của Bộ Công Thương; Bằng khen Bộ trưởng Bộ Công Thương, Huân chương, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ.

- Đối với việc xét tặng danh hiệu Chiến sĩ thi đua các cấp và các hình thức khen thưởng theo quy định tại Nghị định số 91/2017/NĐ-CP: Sáng kiến, đề tài

nghiên cứu khoa học phải có Quyết định công nhận sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học hoặc bản xác nhận hiệu quả áp dụng và phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học đó. Nếu sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học của đồng tác giả thì phải có xác nhận hiệu quả áp dụng và phạm vi ảnh hưởng sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học của từng tác giả, viết rõ phần việc và đóng góp của mình vào sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học đó (không được trùng nhau).

Mẫu xác nhận hiệu quả áp dụng và phạm vi ảnh hưởng sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học tại Phụ lục 11.

b) Số lượng hồ sơ đề nghị khen thưởng

- Đối với hồ sơ đề nghị xét tặng Cờ thi đua của Chính phủ (04 bộ), Cờ thi đua của Bộ Công Thương (02 bộ).

- Đối với hồ sơ đề nghị khen thưởng Chiến sĩ thi đua toàn quốc (04 bộ), Chiến sĩ thi đua Bộ Công Thương (02 bộ).

- Đối với hồ sơ đề nghị xét tặng Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Công Thương (02 bộ).

- Đối với hồ sơ đề nghị xét tặng Huân chương các loại (05 bộ) và Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ (04 bộ).

- Khen thưởng theo chuyên đề số lượng hồ sơ (02 bộ).

- Đối với hồ sơ đề nghị xét tặng Giấy khen của Tổng Cục trưởng Tổng cục QLTT (01 bộ).

2. Thời gian gửi hồ sơ đề nghị khen thưởng

a) Đề nghị khen thưởng thường xuyên:

- Đối với hồ sơ đề nghị tặng Danh hiệu Tập thể Lao động xuất sắc, Tập thể Lao động tiên tiến, Chiến sĩ thi đua cơ sở, Chiến sĩ thi đua Bộ Công Thương, Cờ thi đua của Chính phủ, Cờ thi đua của Bộ Công Thương và Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Công Thương gửi trước chậm nhất ngày 10 tháng 01 hằng năm.

- Đối với hồ sơ đề nghị khen công trạng và thành tích đạt được (Huân chương, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ,...) gửi chậm nhất ngày 10 tháng 3 hằng năm.

- Đối với hồ sơ đề nghị tặng Danh hiệu Chiến sĩ thi đua toàn quốc gửi chậm nhất ngày 10 tháng 6 hằng năm.

b) Đề nghị khen thưởng đột xuất, chuyên đề:

- Đối với hồ sơ đề nghị khen thưởng đột xuất, chuyên đề: hồ sơ được gửi chậm nhất không quá 45 ngày kể từ ngày lập được thành tích đột xuất hoặc sau khi kết thúc chuyên đề công tác.

3. Thời gian tiến hành đánh giá, xếp loại hằng năm

Thủ trưởng các đơn vị thuộc Tổng cục tiến hành đánh giá, xếp loại chất lượng công chức, người lao động trước khi bình xét thi đua, khen thưởng; tổ

chức tổng kết phong trào thi đua và bình xét khen thưởng theo đúng quy định và hoàn thành chậm nhất ngày 05 tháng 01 hằng năm.

4. Các đơn vị thuộc Tổng cục cập nhật đầy đủ thông tin, dữ liệu trên phần mềm thi đua, khen thưởng (<https://hr.dms.gov.vn> và kèm theo hồ sơ bản PDF) trước khi trình hồ sơ bản giấy.

5. Các lưu ý đối với hồ sơ đề nghị khen thưởng

a) Đối với báo cáo thành tích của tập thể Đội/Phòng thuộc Cục QLTT cần có xác nhận của Lãnh đạo Cục và Tổng cục.

b) Đối với báo cáo thành tích của cá nhân khi trình hồ sơ phải là bản gốc (chữ ký tươi), đóng dấu giáp lai.

c) Đối với báo cáo thành tích của cá nhân là công chức trong Đội/Phòng thuộc Cục QLTT cần có xác nhận của Đội trưởng/Trưởng phòng và Lãnh đạo Cục và Tổng cục.

d) Đối với báo cáo thành tích cá nhân là người đứng đầu của Đội/Phòng thuộc Cục QLTT cần có xác nhận của cấp phó Đội/Phòng và Lãnh đạo Cục và Tổng cục.

đ) Đối với báo cáo thành tích của cá nhân là thủ trưởng đơn vị (Cục, Vụ, Văn phòng) thì cần có xác nhận của đại diện Lãnh đạo đơn vị (Cục, Vụ, Văn phòng) và Tổng cục.

e) Không xem xét đối với hồ sơ không nhập trên phần mềm thi đua, khen thưởng theo đúng thời hạn và không đảm bảo các nội dung nêu trên.

Chương V

XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 30. Hành vi vi phạm và hình thức xử lý

1. Hành vi vi phạm của tập thể hoặc cá nhân được khen thưởng

a) Kê khai gian dối trong việc kê khai thành tích.

b) Xác nhận sai sự thật hoặc làm giả hồ sơ, giấy tờ cho người khác để đề nghị khen thưởng, người lợi dụng chức vụ, quyền hạn quyết định khen thưởng trái pháp luật.

2. Hình thức xử lý đối với tập thể hoặc cá nhân có hành vi vi phạm quy định

a) Thủ trưởng đơn vị thuộc Tổng cục có tập thể, cá nhân có hành vi vi phạm quy định về việc khen thưởng, gian dối trong việc kê khai báo cáo thành tích thì phải báo cáo, đề xuất việc xử lý hành vi vi phạm lên Tổng cục xem xét, quyết định hoặc trình cấp có thẩm quyền quyết định.

b) Cá nhân gian dối trong việc kê khai báo cáo thành tích để được khen thưởng thì bị hủy bỏ quyết định khen thưởng, thu hồi hiện vật và tiền thưởng đã

nhận; Tùy theo tính chất, mức độ vi phạm để xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

c) Cá nhân xác nhận sai sự thật hoặc làm giả hồ sơ, giấy tờ cho người khác đề nghị khen thưởng; cá nhân lợi dụng chức vụ quyền hạn quyết định khen thưởng trái pháp luật thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Điều 31. Hủy bỏ quyết định khen thưởng

1. Cá nhân gian dối trong việc kê khai thành tích để được khen thưởng Huân chương, Huy chương, Bằng khen, Giấy khen thì bị hủy bỏ quyết định khen thưởng và bị thu hồi hiện vật, tiền thưởng đã nhận.

2. Căn cứ vào kết luận của cơ quan có thẩm quyền xác định việc cá nhân kê khai gian dối thành tích để được khen thưởng, cơ quan trình khen thưởng có trách nhiệm đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng ban hành quyết định hủy bỏ quyết định và thu hồi hiện vật, tiền thưởng.

3. Hồ sơ đề nghị hủy bỏ quyết định gồm có:

a) Tờ trình của cơ quan trực tiếp trình khen thưởng đối với từng loại hình khen thưởng cho cá nhân.

b) Báo cáo tóm tắt lý do trình cấp có thẩm quyền hủy bỏ quyết định khen thưởng.

4. Trường hợp tổ chức, cá nhân đã được tặng danh hiệu thi đua hoặc hình thức khen thưởng, mà sau đó có kết luận của cơ quan có thẩm quyền về việc có sai phạm, khuyết điểm trong khoảng thời gian tính thành tích đề nghị tặng danh hiệu thi đua hoặc hình thức khen thưởng thì tùy theo mức độ sai phạm, khuyết điểm để hạ mức khen thưởng hoặc hủy bỏ quyết định khen thưởng theo quy định (trừ những cá nhân đã hy sinh, tử trận).

5. Sau khi có quyết định hủy bỏ hình thức khen thưởng, cơ quan trình khen thưởng có trách nhiệm thu hồi hiện vật khen thưởng giao nộp về cơ quan làm công tác thi đua, khen thưởng cùng cấp; số tiền thưởng thu nộp vào ngân sách nhà nước hoặc quỹ thi đua, khen thưởng theo quy định.

Chương VI

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 32. Phân công trách nhiệm

1. Các đơn vị thuộc Tổng cục căn cứ Quy chế này và Thông tư hướng dẫn công tác thi đua, khen thưởng hiện hành của Bộ Công Thương, Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017, Luật Thi đua, khen thưởng và các văn bản liên quan để tổ chức thực hiện và xây dựng Quy chế của đơn vị mình.

2. Văn phòng Tổng cục có trách nhiệm hướng dẫn và kiểm tra các đơn vị trong toàn lực lượng QLTT thực hiện Quy chế này.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc hoặc phát hiện những điều chưa phù hợp, Thủ trưởng đơn vị thuộc Tổng cục phản ánh về Văn phòng Tổng cục bằng văn bản để nghiên cứu sửa đổi, bổ sung, hoàn chỉnh cho phù hợp./.